

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:124/2018/HSST

Ngày 26-12-2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Thanh – Bà Phan Thị Quế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Chức vụ kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số:126/2018/HSST, ngày 14 tháng 12 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:134/2018/QĐ XXST-HS ngày 14/12/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Hữu T(Tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh ngày 20 tháng 02 năm 1976; Nơi ĐKKHKT: xóm 11, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Nguyễn Hữu B, sinh năm 1932 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1945; Anh chị em ruột: có 06 người, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình; Vợ: Lê Thị D, sinh năm 1985; Con: có 02 người, lớn nhất 09 tuổi, nhỏ nhất 07 tuổi; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Có mặt tại phiên tòa)

* Người bị hại: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1970 (Chết)

Trú tại: xóm 12, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An

+/- Người đại diện hợp pháp cho ông Nguyễn Văn S:

1. Bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1974(Vợ ông Nguyễn Văn S)

2. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1995(Con ông Nguyễn Văn S)

3. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1996(Con ông Nguyễn Văn S)

Trú tại: xóm 12, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An

(Đều có mặt tại phiên tòa)

+/- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H:

Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1956(Có mặt)

Trú tại: xóm 10, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

* Người làm chứng: - Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1976(Có mặt)

Trú tại: xóm 15, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974(Vắng mặt)

Trú tại: xóm 15, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 23/06/2018, Nguyễn Hữu T - sinh năm 1976 trú tại xóm 11, xã M, huyện Y và Nguyễn Văn S - sinh năm 1970 trú tại xóm 12, xã M, huyện Y đến nhà anh Nguyễn Văn D ở xóm 15, xã M, huyện Y ăn uống. Khoảng 21 giờ 20 phút thì cả hai cùng nhau ra về, Nguyễn Hữu T điều khiển xe mô tô Biển số 37H5-2742, ông Nguyễn Văn S điều khiển xe mô tô 37P1-278.25, cả hai đi theo đường liên xã MT - xã M. Khi đến địa phận xóm 16 xã M thì xe mô tô do ông Nguyễn Văn S chạy trước, xe của Nguyễn Hữu T chạy sau. Đi đến đoạn xuống dốc cua về bên trái thì có xe mô tô chạy ngược chiều, đèn sáng chói nên Nguyễn Hữu T lái xe tránh sang bên phải thì đâm vào bàn đẽ chân trái phía sau xe mô tô của ông S. Do bị đẩy từ phía sau bất ngờ, nên xe mô tô 37P1-278.25 do ông S điều khiển lao xuống hành lang bên phải, rồi ngã xuống bờ mương nước, ông S bị va đập đầu, vai vào thành mương bê-tông rồi rơi xuống lòng mương. Sau khi va chạm thì Nguyễn Hữu T, cùng xe mô tô bị ngã tại hiện trường, người và xe trượt dài một đoạn. Sau khi bị ngã Nguyễn Hữu T dựng xe dậy, nhặt mảnh ốp nhựa mặt nạ của xe bỏ vào giỏ đeo hàng phía trước, đồng thời quan sát xung quanh không thấy xe và anh S ở đâu nên điều khiển xe mô tô đi về nhà. Về đến nhà Nguyễn Hữu T gọi điện cho anh Nguyễn Văn D nhờ anh D điện hỏi xem ông S đã về nhà chưa vì Nguyễn Hữu T không có số điện thoại của ông S. Anh D đã điện thoại cho ông S nhưng không liên lạc được, nên báo lại cho Nguyễn Hữu T biết. Nghe nói vậy Nguyễn Hữu T đi xe máy quay lại khu vực hiện trường cũ tìm kiếm thì thấy xe mô tô của anh S ngã sát thành mương bê tông Nguyễn Hữu T lật xe để tìm kiếm ông S nên không thấy nên đưa xe của ông S lên dựng ở lề đường và dùng đèn pin điện thoại để đi tìm ông S. Nguyễn Hữu T đi dọc mương nước khoảng 60 mét thì thấy ông S nằm ngửa giữa lòng mương, Nguyễn Hữu T đưa ông S lên nằm trên bờ mương và điện thoại thông báo cho mọi người biết sự việc. Nhận được tin báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thành đã phối hợp với Pháp y tỉnh Nghệ An tiến hành khám nghiệm hiện trường, tử thi.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Vụ tai nạn giao thông giữa 02 xe mô tô xảy ra trên đường liên xã M - xã T, thuộc xóm 16 xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Đường xuống dốc khoảng 7 đến 10 độ về hướng nam theo hướng của 02 xe mô tô di chuyển, có vòng cua về bên trái. Phía đông bắc là đồi trồng cây và nhà ở

của dân, phía tây nam là hành lang và mương nước bê-tông chảy theo mép ngoài hành lang tây nam, 1/2 ngoài hành lang có cây cỏ dại, 1/2 phần hành lang bên trong là đất sỏi và cỏ dại. Mặt đường rải nhựa bề rộng 3,5 mét, lề đất sỏi hai bên mỗi bên rộng 1 mét. Hiện trường không nguyên vẹn, do sau khi va chạm Nguyễn Hữu T đã nâng xe mô tô của ông S lên mục đích để tìm nạn nhân có nằm ở dưới xe hay không.

Lấy cột điện số 75B ngoài mép lề đường phía đông bắc bên đường xóm 16 xã M, huyện Y làm mốc cố định. Từ chân cột điện kéo về hướng tây nam 12,5 mét là điểm đầu vết cày xước do bàn để chân trước bên trái xe mô tô biển số 37H5-2742 khi ngã xuống mặt đường trượt về hướng tây nam tạo ra. Điểm đầu của vết cày xước này cách trong mép nhựa phía Tây nam 30cm, điểm cuối cách ngoài mép nhựa tây nam 40 cm, chiều dài 8,2 mét, rộng 1,5 cm. Từ điểm cuối vết cày xước kéo ra lề đường và hành lang phía đường tây nam 29,5 mét xuất hiện vết bánh xe mô tô 37P1-278.25 đè lên cây cỏ mép ngoài hành lang, điểm đầu vết này cách mép đường nhựa phía tây nam 2,2 mét, điểm cuối cách mép trong thành mương nước bê tông 60 cm, chiều dài 3,5 mét, rộng 05 cm. Trên bề mặt thành mương bê tông phía đông, cách điểm cuối vết lốp xe mô tô đè lên cỏ 02 mét, cách mép đường nhựa phía tây 4,1m có vết sây xước bề mặt bê tông không rõ hình, kích thước dài 50 cm, hướng đông - tây; trên bề mặt thành mương nước phía tây, cách điểm cuối của vết lốp xe mô tô đè lên cỏ 02 mét, cách mép đường nhựa phía tây 3,5 mét có vết sây xước dài 30 cm, hướng đông tây. Khoảng cách giữa 02 vết sây xước 90 cm. Các dấu vết này do khi xe mô tô 37P1 - 278.25 khi ngã xuống trên bờ mương nước tạo ra.

- Khám xe mô tô 37H5-2742: Dưới trước ống giảm xóc bánh trước bên phải, từ mặt đất lên 30 cm có vết sây xước kích thước 6 x 3,5cm, hướng trước ra sau, trên bề mặt bám dính chất cao su màu đen. Dấu vết này do khi xe mô tô 37H5-2742 đâm vào sau bàn để chân sau bên trái xe mô tô 37P1-278.25 tạo nên. Ngoài ra, xe mô tô 37H5-2742 còn có các dấu vết sây xước trên gương đèn xi nhan, ngoài tay lái bên trái, giá đỡ chân trước bên trái, do khi ngã va đập và trượt trên mặt đường tạo ra.

- Khám xe mô tô 37P1-278.25: Dưới, ngoài, phía sau bàn để chân sau bên trái, từ mặt đất lên 33 cm có vết sây xước bề mặt ống cao su và giá kim loại ốp ngoài ống cao su, kích thước 4 x 3cm, hướng sau ra trước. Dấu vết này do ống giảm xóc bánh trước bên phải xe mô tô 37H5-2742 đâm vào phía sau tạo ra. Ngoài ra, xe mô tô này còn có các dấu vết sây xước gương đèn chiếu sáng, yếm nhựa bên phải, bàn đạp chân phanh bị cong tước ra sau do khi ngã xuống trượt trên mép ngoài hành lang và va đập với thành mương bê tông tạo ra.

- Khám nghiệm tử thi ông Nguyễn Văn S: Vùng đầu, mặt, tai trái có vết xây xước, rách da, bầm tụ máu kích thước 16 x 8 cm; vùng hõm dưới bờ vai trái có vết xây xước da kích thước 15 x 16cm, hộp sọ dưới da vùng tương ứng bị nứt và các vết xây xước tại bàn tay trái, cẳng tay phải do cơ thể Nguyễn Văn S khi

bị ngã xuống va đập với thành mương bê tông gây ra. Nguyên nhân chết là bị suy hô hấp, suy tuần hoàn cấp do ngạt nước trên nạn nhân bị chấn thương.

- Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, đại diện cho nạn nhân ông Nguyễn Văn S là bà Nguyễn Thị H(vợ ông S) yêu cầu Nguyễn Hữu T phải bồi thường toàn bộ thiệt hại gồm chi phí mai táng, tiền bồi thường tổn hại về tinh thần, tiền công của Nguyễn Văn S là 470 triệu đồng. Nguyễn Hữu T đã bồi thường cho gia đình nạn nhân 20 triệu đồng.

Tại bản cáo trạng số: 01/VKS-YT, ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An truy tố Nguyễn Hữu T về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 của BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 15 đến 18 tháng nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

-Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, 586 và Điều 591 của BLDS buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải bồi thường cho những người đại diện hợp pháp cho người bị hại số tiền từ 135.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng .

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 26/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo không tranh luận đối đáp gì với bản luận tội của đại diện viên kiểm sát. Những người đại diện hợp pháp cho người bị hại có mặt tại phiên tòa không tranh luận đối đáp gì với đại diện viện kiểm sát. Họ đề nghị ông Nguyễn Đình T là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H trình bày lời tranh luận.

Ông Nguyễn Đình T tranh luận với đại diện viện kiểm sát và cho rằng: Sau khi gây tai nạn, bị cáo Nguyễn Hữu T biết được ông Nguyễn Văn S đã cùng người và xe máy lao về phía trước bị tai nạn, bị cáo Nguyễn Hữu T biết được ông S bị nạn, nhưng đã chạy trốn, đi về nhà để mặc hậu quả xảy ra, không cứu giúp người bị hại. Nguyễn Hữu T điều khiển tham gia giao thông đã sử dụng rượu bia gây tai nạn, nên viện kiểm sát truy tố Nguyễn Hữu T theo điểm a khoản 1 Điều 260 của BLHS là không đúng. Sau khi đi tìm kiếm nạn nhân, Nguyễn Hữu T đã biết được toàn bộ sự việc do mình gây ra nên đã thay đổi hiện trường nhằm che đậy hành vi phạm tội của mình. Nguyễn Hữu T phải bị truy tố xét xử theo điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của BLHS có khung hình phạt cao hơn. Tại hiện trường có một vết máu nhưng cơ quan điều tra không tiến hành trưng cầu giám định để xem máu đó là của người nào, chỉ kết luận đó là nhóm máu O nên cần xem xét để điều tra lại. Sau khi gây tai nạn bị cáo không thành

khẩn khai báo từ đầu, đến khi cơ quan điều tra vào cuộc làm rõ và tại phiên tòa bị cáo mới thừa nhận. Viện kiểm sát cho rằng bị cáo thành khẩn khai báo, đã áp dụng tình tiết giảm s khoản 1 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ cho bị cáo là không đúng. Quá trình điều tra và trước lúc xét xử bị cáo Nguyễn Hữu T có giao cho gia đình bị hại 2 đợt tiền, mỗi đợt số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo giao số tiền này là do sự tác động của các cơ quan pháp luật, bị cáo không tự nguyện, nên Viện kiểm sát cho rằng bị cáo đã bồi thường, đã áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo là không đúng. Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử cho bị cáo Nguyễn Hữu T được hưởng án treo là không nghiêm, không có tính giáo dục bị cáo.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự Viện kiểm sát không chấp nhận buộc bị cáo bồi thường 10 năm mất thu nhập của bị người bị hại là không đúng, kể từ lúc chết ông Nguyễn Văn S đang còn 11 năm ông S mới hết tuổi lao động, gia đình bị hại chỉ yêu cầu bị cáo 10 năm với số tiền 400.000.000 đồng là hợp lý.

Đại diện viện kiểm sát tranh luận và giữ nguyên quan điểm và khẳng định Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T theo điểm a khoản 1 Điều 260 của BLHS là đúng. Sau khi hai xe va chạm thì bị cáo và xe mô tô bị ngã tại hiện trường, lúc này trời tối, bị cáo không thể quan sát được ông Nguyễn Văn S có bị tai nạn hay không để thực hiện nghĩa vụ cứu giúp ông S. Sau khi gây tai nạn bị cáo đi về nhà có nghi ngờ tai nạn đối với ông S có thể xảy ra, bị cáo đã điện thoại nhờ anh Nguyễn Văn D gọi điện để hỏi thăm. Khi được anh D cho biết ông S chưa về nhà thì bị cáo đã quay lại tìm kiếm ông S, điều này cho thấy bị cáo là người có trách nhiệm và lương tâm đối với bị hại. Do vậy ông Thành khai nại bị cáo bỏ trốn không cứu bị hại là không có cơ sở, không có căn cứ. Bị cáo Nguyễn Hữu T có đi ăn uống có sử dụng rượu bia trước khi gây tai nạn, tuy nhiên sau khi sự việc xảy ra cơ quan chức năng không đo được nồng độ cồn trong hơi thở, trong máu của bị cáo là vì lý do khách quan, không phải lỗi cơ quan điều tra, nên không có căn cứ để truy tố bị cáo theo điểm b, c khoản 2 Điều 260 BLHS.

Việc thay đổi hiện trường, xáo trộn hiện trường vụ án để che giấu hành vi phạm tội là hoàn toàn không có. Hiện trường không nguyên vẹn chỉ khi bị cáo đi tìm người bị hại, thấy xe của bị hại nằm sát mép đường nên đã dựng dậy để tìm người, sau đó đưa lên dựng bên lề đường không có ý gì khác. Sau khi thấy ông S nằm giữa lòng đường thì bị cáo đưa ông S lên nằm sát bờ đường mục đích là để cấp cứu. Hai sự thay đổi hiện trường này là không phải bị cáo tạo ra, chỉ là phản xạ tự nhiên khi sự việc xảy ra. Hiện trường khác còn lại tồn tại một cách tự nhiên khách quan, nên ông Thành nói bị cáo tạo hiện trường giả là không có cơ sở để chấp nhận.

Việc giám định vết máu để lại tại hiện trường là không cần thiết, kết quả khám nghiệm tử thi ông Nguyễn Văn S không thấy các vết thương gây chảy máu. Các vết thương để lại trên thân thể bị hại là thâm tím, xây xước do sự tác động mạnh vào thành đường bê tông gây ra.

Bị cáo, những người tham gia tố tụng và Đại diện Viện kiểm sát không tranh luận gì thêm. Những người tham gia tố tụng và đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ buộc tội: Trên cơ sở lời khai của bị cáo Nguyễn Hữu T và các tài liệu chứng cứ do cơ quan điều tra đã thu thập cơ quan điều tra xác định: Sau khi Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu S ăn uống tại nhà ông Nguyễn Văn D thuộc xóm 15, xã Mỹ Thành xong thì ông Nguyễn Hữu S và ông Nguyễn Hữu T đi ra về, cả hai đều điều khiển xe mô tô, cùng nhau đi trên một tuyến đường liên xã MT - xã M, ông Nguyễn Văn S điều khiển đi trước, ông Nguyễn Văn T điều khiển xe đi phía sau. Khi cả hai người đi đến địa phận xóm 16, xã Mỹ Thành, đoạn đường này xuống dốc hơi cua về bên trái thì có một chiếc xe mô tô chạy ngược chiều, đèn sáng chói sáng nên Nguyễn Hữu T đã lái xe tránh sang bên phải thì đâm vào bộ phận bàn đạp chân bên trái phía sau xe mô tô của ông Nguyễn Văn S, Nguyễn Hữu T và xe mô tô ngã tại hiện trường. Do bị đẩy mạnh từ phía sau bất ngờ, nên xe mô tô 37P1-278.25 do ông Nguyễn Văn S điều khiển lao xuống hành lang bên phải, rồi ngã xuống bờ mương nước, ông S bị va đập đầu, vai vào thành mương bê tông rồi rơi xuống lòng mương. Hậu quả là ông Nguyễn Văn S bị chết do chấn thương nứt sọ não, ngạt nước, suy hô hấp.

Căn cứ vào hành vi của Nguyễn Hữu T, sơ đồ hiện trường vụ tai nạn, biên bản khám xét phương tiện gây tai nạn, khám nghiệm tử thi và các tài liệu chứng cứ do cơ quan điều tra, thu thập. Cơ quan điều tra, điều tra viên xác định Nguyễn Hữu T đã vi phạm khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ năm 2008 và phạm tội “Vi phạm qui định về tham gia giao thông đường bộ”. Nên Cơ quan điều tra, điều tra viên đã tiến hành các hoạt động tố tụng theo qui định của pháp luật tố tụng hình sự, như quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn, lấy lời khai, hỏi cung bị can để làm cơ sở để xử lý đối với Nguyễn Hữu T theo qui định tại Điều 260 của BLHS. Căn cứ kết quả điều tra và các chứng cứ, tài liệu do cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành truy tố Nguyễn Hữu T về tội “Vi phạm qui định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự là đúng.

Đây là một vụ án rất nghiêm trọng. Hành vi tham gia giao thông gây tai nạn của Nguyễn Hữu T là rất nguy hiểm cho xã hội, đã gây mất trật tự an toàn giao thông, xâm phạm đến tính mạng của ông Nguyễn Văn S được nhà nước và pháp luật bảo vệ. Bị cáo Nguyễn Hữu T nhận thức được rằng: Khi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông, nếu không tuân thủ về luật lệ giao thông mà vi phạm thì sẽ bị xử lý nghiêm. Mặc dù nhận nhận thức được như vậy, nhưng khi tham

gia giao thông bị cáo Nguyễn Hữu T không tuân thủ luật lệ giao thông, không làm chủ được việc điều khiển xe mô tô khi tham gia giao thông, đã đánh táy lái xe của mình khi chưa được phép đã va quệt đâm vào phía sau xe của ông Nguyễn Văn S đi phía trước đã gây đột ngột làm cho ông Nguyễn Văn S mất kiểm soát, người cùng xe đã lao xe xuống hành lang, đâm trúng bờ mương, người bị rơi xuống lòng mương, hậu quả là ông S chết sau khi bị va đập. Chính sự xem thường pháp luật của bị cáo, nên bị cáo phải trả giá đứng trước vành móng ngựa chờ xử lý.

Xét hành vi bị cáo thực hiện cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Căn cứ vào sơ đồ hiện trường vụ tai nạn, biên bản hiện trường, biên bản xem xét phương tiện vi phạm giao thông thấy rằng lỗi gây tai nạn dẫn đến hậu quả chết người thuộc về bị cáo. Với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện lẽ ra cần xử phạt tù giam cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để nhà nước cải tạo, giáo dục đối với bị cáo. Tuy nhiên xét thấy rằng tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, nhân thân bị cho đến khi phạm tội tốt, lý lịch trong sáng rõ ràng, hậu quả gây chết người xảy ra ngoài sự mong muốn của bị cáo. Sau khi nhận thức được sai lầm của mình bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình bị hại, bố bị cáo có công với nhà nước đã được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất. Do bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của BLHS, nên xét thấy không cần thiết xử phạt tù giam đối với bị cáo mà áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 65 của BLHS và nguyên tắc nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, xử cho bị cáo được hưởng án treo như Đại diện viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa cũng đủ nghiêm.

[2]Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp cho người bị hại cho rằng. Sau khi gây tai nạn bị cáo Nguyễn Hữu T biết ông Nguyễn Văn S bị tai nạn do mình gây ra, bị cáo đã bỏ trốn, không cứu giúp người bị hại, để mặc hậu quả xảy ra. Ngoài ra Nguyễn Hữu T còn tạo hiện trường giả nhằm che đậy hành vi phạm tội của mình, Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điểm a khoản 1 điều 260 của BLHS là không đúng. Cơ quan điều tra không tiến hành giám định vết máu tại hiện trường là của ai là điều tra chưa đầy đủ. Bị cáo Nguyễn Hữu T phải bị truy tố xét xử theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 260 của BLHS có khung hình phạt cao hơn mới thỏa đáng.

Hội đồng xét xử khẳng định, sau khi va chạm thì Nguyễn Hữu T đã bị ngã, lúc này trời tối, bị cáo không hề quan sát được phía trước, không biết được xe của ông S di chuyển đi hướng nào và không thể biết được ông S bị tai nạn ra sao. Bị cáo không hề bỏ trốn, trốn tránh trách nhiệm của mình, nên không đủ căn cứ để kết luận bị cáo vi phạm điểm c khoản 2 Điều 260 của BLHS. Hiện trường vụ tai nạn có xáo trộn hai điểm, đó là xe của bị hại đã được đưa lên dựng tại lề đường và nạn nhân đã được đưa lên bờ mương. Nhưng việc di dời chiếc xe máy và thân thể của ông S chỉ là do tìm kiếm và cấp cứu nạn nhân không có

ngghi ngờ gì về việc bị cáo tạo hiện trường giả để che dấu một tội phạm khác. Hiện trường vụ tai nạn còn lại đã tồn tại một cách khách quan không có sự thay đổi, người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của người bị hại cho rằng bị cáo thay đổi hiện trường là không có cơ sở. Lý do cơ quan điều tra không đo được nồng độ cồn trong hơi thở, trong máu của bị cáo sau khi gây tai nạn là vì sự việc tai nạn xảy ra ban đêm, vì điều kiện khách quan đưa lại không phải lỗi cố ý của cơ quan điều tra, nên không có cơ sở để nói rằng bị cáo phạm tội theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 260 BLHS.

Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của người bị hại còn cho rằng tại địa điểm hai xe va quyết với nhau có để lại 01 vết máu để lại tại hiện trường, cơ quan điều tra không tiến hành trưng cầu giám định để làm rõ máu của người nào là cơ quan điều tra chưa thực hiện hết nhiệm vụ trách nhiệm của mình, cần phải tiến hành điều tra lại. Căn cứ vào biên bản khám nghiệm tử thi, thì trên thân thể của ông S không có vết thương gây chảy máu, chỉ có những vết thâm tím, bầm dập, xây xước da do cơ thể ông S bị va đập mạnh và chà sát tại thành mương bê tông gây ra. Nên cơ quan điều tra không cần trưng cầu giám định cũng không làm mất đi tính khách quan của vụ việc. Do vậy người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp cho người bị hại đề nghị tòa xem xét nhưng vấn đề trên là không có căn cứ, không có cơ sở để trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của BLHS để xem xét giảm nhẹ đối với bị cáo và xử cho bị được hưởng án treo là đúng qui định của pháp luật. Khai nại của người đại diện theo ủy quyền là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Vật chứng: Chiếc xe mô tô Nguyễn Hữu T gây tai nạn hiện nay cơ quan đã trả lại cho bị cáo là đúng.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 581.500.000đ(Năm trăm, tám mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng). Xét yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại là có cơ sở. Tuy nhiên trong đó yêu cầu tiền tổn thất tinh thần, người đại diện hợp pháp cho người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường là quá nhiều, không có cơ sở chấp nhận toàn bộ, chỉ có cơ sở chấp nhận buộc bị cáo bồi thường 70 tháng lương cơ bản theo qui định tại Điều 591 của BLDS với số tiền 97.330.000 đồng. Đối với yêu cầu bị cáo bồi thường mất thu nhập tiền mất thu nhập từ lúc ông S chết cho đến lúc ông S hết tuổi lao động là 10 năm, mỗi năm 40.000.000 đồng, xét yêu cầu này pháp luật không được qui định, nên không có cơ sở chấp nhận. Các yêu khác còn lại là hợp lý có cơ sở cần chấp nhận. Căn cứ vào Điều 591 của BLDS qui định về bồi thường thường trong trường hợp tính mạng bị xâm phạm cần chấp nhận buộc bị cáo bồi thường các khoản sau đây:

- Tiền hòm vôi, dày dép, vải khâm lượm 10.000.000 đồng
- Chi phí làm lăng mộ 01 lần 20.120.000 đồng

- Tiềm mâm cỗ (5 mâm) làm lễ 3 ngày 5.000.000 đồng
- Tiềm mâm cỗ (5 mâm) làm lễ 49 ngày 5.000.000 đồng
- Tiền tổn thất tinh thần 70 tháng x 1.390.000 đ = 97.330.000 đồng

Tổng chấp nhận: 137.420.000đ(Một trăm ba mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng)

Bị cáo đã bồi thường trước cho gia đình bị hại 40.000.000 đồng, nay cần buộc bị cáo phải bồi thường tiếp bồi thường tiếp 97.420.000đ(Chín mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng)

[5] Án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 của BLHS năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T 01(Một) năm 03(Ba) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời hạn thử thách 02(Hai) năm 06(S) tháng về tội “Vi phạm qui định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời hạn thử thách đối với bị cáo được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 26/12/2018).

Giao bị cáo Nguyễn Hữu T cho UBND xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục người đó.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, 586 và Điều 591 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải có nghĩa vụ bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của người bị hại tổng số tiền 137.420.000đ(Một trăm ba mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Bị cáo đã bồi thường trước 40.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp là 97.420.000đ(Chín mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước qui định tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải nộp 200.000đ(Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 4.871.000đ(Bốn triệu, tám trăm bảy mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho người bị hại, người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của người bị hại có mặt được quyền kháng cáo lên toà án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND H. Yên Thành;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS Yên Thành;
- THA hình sự;
- Bị cáo;
- Bị hại
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc